

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÀNG LONG  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HN-ST

Ngày: 08 - 7 - 2019

V/v “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG TỈNH TRÀ VINH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Diệu Trang

2. Ông Nguyễn Hữu Phước

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Sa Rên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2019/TLST-HN, ngày 31 tháng 5 năm 2019. Về “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2019/QĐXXST-HN ngày 19 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

*Bị đơn:* Ông Bạch Văn C, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*** Bà với ông Bạch Văn C do quen biết, tìm hiểu nhau được gia đình hai bên đồng ý cho về sống chung từ năm 1993, không tổ chức lễ cưới và không cho đồ nữ trang, nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C,

tỉnh Trà Vinh vào ngày 10/4/2002. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì không còn hạnh phúc nữa, do ông C hay ghen tuông, cố ý gây chuyện đuổi bà đi, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống gia đình luôn bất ổn mà không thể khắc phục được và vợ chồng đã ly thân nhau cho đến nay hơn hai năm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng hàn gắn không hạnh phúc, bà L yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 01 người con tên Bạch Trường Sơn T, sinh 1994; đã trưởng thành và có gia đình riêng, bà L không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Hiện có 4,5 công đất ruộng, 01 nền nhà cùng căn nhà tường cấp 4 trên đất, tọa lạc tại ấp N, xã T, tất cả các tài sản do bà và ông C tạo lập, hiện do ông C đang quản lý sử dụng. Bà L tự thỏa thuận với ông C không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 6 năm 2019 bị đơn ông Bạch Văn C trình bày:*** Ông với bà Nguyễn Thị L do quen biết, tìm hiểu nhau và tự về sống chung từ năm 1993, không tổ chức lễ cưới và không có cho đồ nữ trang, nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do bà L không chung thủy với ông mà có tình cảm với người khác, dẫn đến cự cãi, lúc nóng giận ông đã đánh và dùng tay bóp cổ bà L, từ đó bà L bỏ ông ra ngoài sống riêng cho đến nay. Nay ông C xin đoàn tụ, nếu bà L cương quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Về con chung: Có 01 người con tên Bạch Trường Sơn T, sinh 1994; đã trưởng thành và có gia đình riêng, ông C không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Hiện có 4,5 công đất ruộng, 01 nền nhà cùng căn nhà tường cấp 4 trên đất, tọa lạc tại ấp N, xã T, tất cả các tài sản do ông và bà L tạo lập, hiện do ông C đang quản lý sử dụng. Ông C tự thỏa thuận với bà L không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long trình bày quan điểm cho rằng:*** Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật; đối với bị đơn mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt là chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:* Vị Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 51, 53, 54 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L; Về quan hệ hôn nhân cho bà L và ông C được ly hôn; Về con chung đã trưởng thành đề nghị không xem xét; Về tài sản chung quá trình giải quyết vụ án bà L và ông C không yêu cầu giải quyết, nay tại phiên tòa ông C có yêu cầu giải quyết về tài sản chung là không phù hợp quy định pháp luật đề nghị không chấp nhận yêu cầu này của ông C; Về nợ chung phải thu phải trả đương sự không yêu cầu giải quyết đề nghị không xem xét; Về án phí đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật, trừ trường hợp không nộp hoặc miễn nộp.

Tại phiên tòa hôm nay có mặt bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn, ông Bạch Văn C là bị đơn; các đương sự có mặt tại phiên tòa không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ. Bà L vẫn giữ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện; ông C thay đổi yêu cầu theo biên bản lấy lời khai của Tòa án tức là ông có yêu cầu phản tố giải quyết về tài sản chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tranh luận công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự trong vụ án. Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

#### **Về tố tụng:**

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông C. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà L và ông C có nơi cư trú (chỗ ở) tại ấp Ni, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Càng Long có thẩm quyền giải quyết vụ án.

#### **Về nội dung:**

[3]. Bà L và ông C đều trình bày thống nhất xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 10/4/2002 đúng quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa bà L với ông C là hôn nhân hợp pháp.

[4]. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà L cho rằng do ông C ghen tuông, cố ý gây chuyện đuổi bà đi, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống gia đình luôn bất ổn mà không thể khắc phục được và từ đó vợ chồng phải ly thân nhau. Theo ông C cho rằng do bà L không chung thủy với ông mà có tình cảm với người khác, từ đó dẫn đến cự cãi, lúc nóng giận ông đã đánh và dùng tay bóp cổ bà L, từ đó bà L bỏ ông ra ngoài sống riêng. Nay bà L xác nhận bà không còn tình cảm với ông C, hàn gắn không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C; ông C vẫn thừa nhận vợ chồng ông không còn tình cảm gì với nhau nhưng ông xin đoàn tụ vì ông cho rằng ông và bà L đã lớn tuổi có cháu nếu ly hôn thì bà con xung quanh cười chê ảnh hưởng uy tín gia đình, nhưng nếu trường hợp bà L cương quyết thì ông vẫn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Xét thấy ông C yêu cầu được đoàn tụ với bà L nhưng ông không đưa ra được hướng đoàn tụ để hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng phải thương yêu giúp đỡ lẫn nhau để phát triển về mọi mặt thì mới xây dựng gia đình hạnh phúc mà đằng này ông bà người nào chỉ biết đổ lỗi cho người đó bỏ mặc sống sao thì sống không ai quan tâm ai. Và tại phiên tòa bà L và ông C cũng xác định rằng tình cảm vợ chồng giữa ông bà không còn, hàn gắn không hạnh phúc; từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa bà L với ông C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L; không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của ông C. Cho bà L và ông C được ly hôn với nhau là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về con chung: Tên Bạch Trường Sơn T, sinh 1994; đã trưởng thành và có gia đình riêng, bà L và ông C không yêu cầu Hội đồng xét không xem xét.

[6]. Về tài sản chung: Bà L và ông C xác nhận có 4,5 công đất ruộng và 01 nền nhà cùng căn nhà tường cấp 4 trên đất, tọa lạc tại ấp N xã T, tài sản do ông C và bà L tạo lập, hiện các tài sản này do ông C đang quản lý sử dụng. Căn cứ các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà L và ông C tự nguyện thỏa thuận, không tranh chấp về tài sản chung và không yêu cầu giải quyết; Tại phiên tòa hôm nay ông C có thay đổi yêu cầu, ông yêu cầu giải quyết về tài sản chung là công nhận tất cả thuộc quyền sử dụng của ông, bà L không được quyền sử dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Bị đơn được đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*”, nhưng

xét thấy quá trình giải quyết vụ án ông C không đặt ra yêu cầu giải quyết về tài sản chung, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của ông C; Dành cho ông C và bà L một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[8]. Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà L và ông C không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Ông C không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 200 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 53, 54 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Bạch Văn C được ly hôn.

**2.** Về con chung: Tên Bạch Trường Sơn T, sinh 1994; đã trưởng thành và có gia đình riêng, bà L và ông C không đặt ra yêu cầu Hội đồng xét không xem xét.

**3.** Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu giải quyết về tài sản chung của ông C. Dành cho bà L và ông C một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

**4.** Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà Nguyễn Thị L và ông Bạch Văn C không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**5.** Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân. Đối với số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2018/ 0003641 nộp ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Càng Long được khấu trừ vào số tiền án phí mà bà L phải chịu, do đó bà L không phải nộp.

Ông Bạch Văn C không phải nộp án phí.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện Càng Long;
- Chi cục THADS;
- UBND xã T;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tuyết Thanh**